



fēng huǒ tái

烽火台

noun · beacon tower

Example Sentence

Cháng chéng shàng yǒu hěn duō fēng huǒ tái
长 城 上 有 很 多 烽 火 台。

There are many beacon towers on the Great Wall.

Trace each character, then write the word on your own.

烽	烽	烽	烽	烽	烽	烽	烽	烽	烽	烽
烽	烽	烽								
火	火	火	火	火	火	火				
台	台	台	台	台	台	台	台			